

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/LĐ-ST
Ngày: 31-8-2023
V/v: tranh chấp về bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Bảo - Cán bộ nghỉ hưu.

Bà Nguyễn Phương Ly - Phó chủ tịch Liên đoàn Lao động thành phố Nam Định.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Kiên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ích Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 08/2022/TLST-LĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp “Về bảo hiểm xã hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2023/QĐXXST-LĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/LĐ-ST, ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị S, sinh năm 1978; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, M, phường M, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty cổ phần may N; Địa chỉ trụ sở: Số 363 đường N, phường N, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị H, Chức vụ: Cán bộ văn phòng Công ty cổ phần may N (Văn bản ủy quyền ngày 17/10/2022). (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định; Địa chỉ: Số 126 N, phường T, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn D, chức vụ: Giám đốc B

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng S, sinh năm 1979, chức vụ: Chuyên viên phòng Q (văn bản ủy quyền ngày 25/10/2022). (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17-10-2022 trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Vũ Thị S trình bày:

Chị làm công nhân tại Xí nghiệp may N thuộc Công ty may T chính thức từ ngày 01-3-1998. Năm 2008 sau khi cổ phần hóa thì Xí nghiệp may N đổi tên thành Công ty cổ phần may N, chị được bà Vũ Thị L, Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Hợp đồng lao động số: 59/HĐLD-MNH, ngày 01-9-2008, hợp đồng không xác định thời hạn. Hợp đồng có ghi hưởng lương bậc 3/6, bảng lương A2, nhóm II, hệ số lương là 2,42. Hàng tháng tùy theo mức khoán sản phẩm mà có thể được hưởng lương cao hơn. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong hợp đồng quy định hàng tháng sẽ phải trích 20% tiền lương để đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế. Quá trình làm việc tại Công ty mức đóng bảo hiểm xã hội có thay đổi nhưng chị không nắm được. Đến hết tháng 3-2019 do điều kiện gia đình chị chính thức nghỉ việc tại Công ty cổ phần may N. Công ty cổ phần may N đã có Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động số 35/QĐBL-MNH, ngày 26-3-2019 với chị Vũ Thị S. Theo quyết định chấm dứt hợp đồng lao động thì chị nghỉ việc từ ngày 01-4-2019 được hưởng bảo hiểm xã hội đến hết tháng 3-2019. Tuy nhiên sau khi công ty trả sổ bảo hiểm xã hội chị phát hiện ra Công ty cổ phần may N mới đóng bảo hiểm xã hội cho chị đến hết tháng 12-2014, từ tháng 01-2015 Công ty cổ phần may N chưa đóng bảo hiểm xã hội cho chị và đang báo giảm sai thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của chị từ tháng 8-2018 đến tháng 3-2019, quá trình giải quyết vụ án chị đã có đơn đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chị yêu cầu Công ty cổ phần may N báo lại thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho chị nhưng Công ty không hợp tác.

Hiện tại chị Vũ Thị S đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau. Buộc Công ty cổ phần may N phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo

hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho chị từ tháng 01-2015 đến hết tháng 3-2019, tổng cộng là 4 năm 03 tháng và lãi phát sinh để Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định chốt sổ và trả sổ bảo hiểm cho chị.

2. Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Công ty cổ phần may N) là bà Vũ Thị H trình bày:

Công ty cổ phần may N tiền thân là Xí nghiệp may N thuộc Công ty may T trước đây. Công ty cổ phần may N được thành lập từ tháng 12-2007, trụ sở tại số 189 N (nay là 363 N) phường N, thành phố Nam Định. Người đại diện theo pháp luật là bà Vũ Thị L, Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty. Tháng 9-2008 Công ty cổ phần may N đã ký Hợp đồng lao động với chị Vũ Thị S đến tháng 3-2019 thì chấm dứt Hợp đồng lao động theo nguyện vọng của chị Vũ Thị S. Quá trình chị S làm việc tại Công ty đã trả lương và đóng bảo hiểm đầy đủ cho chị Vũ Thị S. Tuy nhiên những năm gần đây do điều kiện kinh doanh khó khăn Công ty cổ phần may N đã nợ đọng một phần tiền bảo hiểm xã hội của các công nhân trong đó có chị Vũ Thị S. Quá trình giải quyết vụ án theo cung cấp của Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định, Công ty cổ phần may N đã báo giảm sai thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của chị S từ tháng 8-2018 đến tháng 3-2019. Bà đã nhiều lần liên hệ với lãnh đạo Công ty cổ phần may N để báo lại thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho chị S nhưng không có kết quả. Bà xác nhận trong thời gian chị Vũ Thị S làm việc tại Công ty cổ phần may N công ty mới chỉ đóng bảo hiểm xã hội cho chị Vũ Thị S đến tháng 7-2015, từ tháng 8-2015 Công ty cổ phần may N chưa đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho chị Vũ Thị S.

Hiện tại quan điểm của bà đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị S.

3. Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (B) là ông Đặng S trình bày:

Theo dữ liệu hiện đang quản lý tại B, chị Vũ Thị S được Công ty cổ phần may N đăng ký tham gia và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (viết tắt là BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN) tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định từ tháng 3-1998 đến tháng 7-2018. Tổng thời gian tham gia Bảo hiểm xã hội là 20 năm 05 tháng.

Ngày 05-12-2022 chị Vũ Thị S có đơn đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định xem xét lại thời gian chốt sổ bảo hiểm của Công ty cổ phần may N vì theo quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 35/QĐBL-MNH, ngày 26-3-2019

giữa chị và Công ty cổ phần may N thì chị chính thức nghỉ việc từ ngày 01-4-2019 như vậy Công ty cổ phần may N đã bảo giảm sai thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của chị từ tháng 8-2018 đến tháng 3-2019, tổng thời gian là 8 tháng. Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định đã kiểm tra, xác minh nội dung và quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN của chị Vũ Thị S, qua kiểm tra, xác minh thì ngày 29-5-2019 Phòng quản lý thu nhận được hồ sơ điện tử bảo giảm lao động số 05552/2019/036, trong đó có cá nhân chị Vũ Thị S được Công ty N báo giảm từ tháng 8-2018. Đối chiếu với quyết định chấm dứt hợp đồng số 35/QĐBL-MNH, ngày 26-3-2019 thì Công ty Nam Hải đang bảo giảm sai thời gian tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN của chị Vũ Thị S.

Quan điểm B: Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định buộc Công ty cổ phần may N phải đóng đủ số tiền BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho chị Vũ Thị S từ tháng 08-2015 đến hết tháng 8-2023 là 35.080.100 đồng và tiền lãi chậm đóng là 17.904.843 đồng. Tổng cộng là 52.984.943 đồng.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 phát biểu quan điểm:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được đảm bảo việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 5, Điều 6, Điều 186 Bộ luật lao động năm 2015; Căn cứ Điều 21, Điều 86, Điều 87, Điều 89 và khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị S, buộc Công ty cổ phần may N phải đóng cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định số tiền nợ bảo hiểm xã hội của chị Vũ Thị S.

Cụ thể bao gồm các khoản tiền: Số tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp từ tháng 8-2015 đến hết tháng 3-2019 là 35.080.100 đồng và số tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10-2015 đến hết tháng 8-2023 là 17.904.843 đồng. Tổng cộng là 52.984.943 đồng.

Kể từ tháng 8-2023 cho đến khi Công ty cổ phần may N đóng cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định xong toàn bộ các khoản tiền bảo hiểm xã hội và tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội của chị Vũ Thị S thì Công ty cổ phần may N còn phải tiếp tục đóng khoản tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

- Về án phí: Chị Vũ Thị S được miễn nộp tiền án phí, Công ty cổ phần may N phải nộp theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Theo đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý ngày 10-10-2022 thì nguyên đơn là Vũ Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN với Công ty cổ phần may N. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Do vậy tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp lao động về bảo hiểm xã hội.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn chị Vũ Thị S là người lao động khởi kiện vụ án tranh chấp về BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN và lãi chậm đóng đối với bị đơn Công ty cổ phần may N có trụ sở tại thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Nam Định thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

1.3 Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về tranh chấp bảo hiểm xã hội:

2.1 Về thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động giữa Công ty cổ phần may N và chị Vũ Thị S:

Theo Hợp đồng lao động số 256, ngày 01-3-1998 chị Vũ Thị S làm công nhân tại Công ty cổ phần may N (tiền thân là Xí nghiệp may N) từ ngày 01-3-1998, đến ngày 26-3-2019 theo nguyện vọng cá nhân của chị Vũ Thị S, Công ty cổ phần may N đã có Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động số 35/QĐBL-MNH, ngày 26-3-2019 với chị Vũ Thị S, theo quyết định chấm dứt hợp đồng lao động thì chị Vũ Thị S nghỉ việc từ ngày 01-4-2019 được hưởng bảo hiểm xã hội đến hết tháng 3-2019. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng xác nhận Công ty cổ phần may N có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với chị Vũ Thị S ngày 26-3-2019, chị Vũ Thị S được hưởng bảo hiểm xã hội đến hết tháng 3-2019. Do đó có căn cứ xác định chị Vũ Thị S chính thức nghỉ việc tại Công ty cổ phần may N từ ngày 01-4-2019.

2.2 Về thời gian hưởng bảo hiểm xã hội của chị Vũ Thị S:

Căn cứ nhận định tại mục 2.1 về thời điểm bắt đầu làm việc của chị Vũ Thị S là ngày 01-3-1998 và thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động của chị Vũ Thị S là ngày 26-3-2019, như vậy chị Vũ Thị S được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội là 21 năm 01 tháng. Theo số liệu do Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định cung cấp thì Công ty cổ phần may N đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị Vũ Thị S đến hết tháng 7-2015, từ tháng 8-2015 đến tháng 3-2019 khi chị Vũ Thị S nghỉ việc Công ty cổ phần may N chưa đóng bảo hiểm xã hội cho chị S. Như vậy Công ty cổ phần may N còn nợ tiền bảo hiểm xã hội của chị Vũ Thị S là 03 năm 08 tháng.

2.3 Về nghĩa vụ nộp tiền bảo hiểm xã hội và tiền lãi chậm đóng của Công ty cổ phần may N:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị S buộc bị đơn Công ty cổ phần may N phải đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho chị từ tháng 01-2015 đến hết tháng 3-2019, tổng cộng là 4 năm 03 tháng và tiền lãi chậm đóng cho đến khi đóng xong toàn bộ khoản tiền trên. Tuy nhiên căn cứ nhận định tại mục 2.2 về thời gian hưởng bảo hiểm xã hội của chị Vũ Thị S thì Công ty cổ phần may N chỉ còn nợ tiền bảo hiểm xã hội của chị Vũ Thị S là 03 năm 08 tháng và tiền lãi chậm đóng từ tháng 10-2015 đến tháng 8-2023.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 thì trách nhiệm của người sử dụng lao động là: *“Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 và hằng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội”* và khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định về tiền lãi chậm đóng bảo hiểm: *“Người sử dụng lao động có hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 17 của Luật này từ 30 ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải nộp số tiền lãi bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng; nếu không thực hiện thì theo yêu cầu của người có thẩm quyền, ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước có trách nhiệm trích từ tài khoản tiền gửi*

của người sử dụng lao động để nộp số tiền chưa đóng, chậm đóng và lãi của số tiền này vào tài khoản của cơ quan bảo hiểm xã hội”. Căn cứ điểm 3.2 khoản 3 Điều 46 Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14-4- 2017, sửa đổi bổ sung năm 2020 và năm 2023 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam) “Đối với đơn vị chậm đóng tiền đóng BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN, nếu người lao động đủ điều kiện hưởng BHXH hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc thì đơn vị có trách nhiệm đóng đủ BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN, bao gồm cả tiền lãi chậm đóng theo quy định, cơ quan BHXH xác nhận sổ BHXH để kịp thời giải quyết chế độ BHXH, BHTN cho người lao động.

Trường hợp đơn vị chưa đóng đủ thì xác nhận sổ BHXH đến thời điểm đã đóng BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN. Sau khi thu hồi được số tiền đơn vị còn chậm đóng thì xác nhận bổ sung trên sổ BHXH”.

Ngày 21-8-2023 Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định có văn bản xác nhận Công ty cổ phần may N chưa đóng bảo hiểm xã hội cho chị Vũ Thị S theo mã sổ bảo hiểm xã hội số 8999005875, số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN của chị Vũ Thị S từ tháng 8-2015 đến hết tháng 3-2019 là 35.080.100 đồng và tiền lãi chậm đóng từ tháng 10-2015 đến hết tháng 8-2023 là 17.904.843 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần may N phải nộp số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN của chị Vũ Thị S từ tháng 8-2015 đến hết tháng 3-2019 là 35.080.100 đồng và tiền lãi chậm đóng từ tháng 10-2015 đến hết tháng 8-2023 là 17.904.843 đồng. Tổng cộng là 52.984.943 đồng tại Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định cho chị Vũ Thị S.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị S là người lao động khởi kiện yêu cầu phải đóng các khoản tiền về bảo hiểm, thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị đơn Công ty cổ phần may N phải chịu án phí lao động sơ thẩm với số tiền là: 52.984.943 đồng x 3% = 1.589.000 đồng (đã làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, Điều 6, Điều Điều 47, Điều 186 Bộ luật lao động năm 2015;

Căn cứ Điều 21, Điều 86, Điều 87, Điều 89 và khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị S.

Buộc Công ty cổ phần may N phải đóng cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định số tiền nợ bảo hiểm xã hội của chị Vũ Thị S. Cụ thể bao gồm các khoản tiền:

- Số tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp từ tháng 8-2015 đến hết tháng 3-2019 là 35.080.100 đồng (ba mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn một trăm đồng).

- Số tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10-2015 đến hết tháng 8-2023 là 17.904.843 đồng (mười bảy triệu chín trăm linh bốn nghìn tám trăm bốn mươi ba đồng).

Tổng cộng là 52.984.943 đồng (năm mươi hai triệu chín trăm tám mươi tư nghìn chín trăm bốn mươi ba đồng).

Sau khi Công ty cổ phần may N đóng đủ số tiền bảo hiểm xã hội và tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội của chị Vũ Thị S thì Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định xác nhận và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho chị Vũ Thị S.

2. Kể từ tháng 8-2023 cho đến khi Công ty cổ phần may N đóng cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định xong toàn bộ các khoản tiền bảo hiểm xã hội và tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội của chị Vũ Thị S thì Công ty cổ phần may N còn phải tiếp tục đóng khoản tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty cổ phần may N phải nộp 1.589.000 đồng (một triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng). Chị Vũ Thị S thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

4. Quyền kháng cáo:

Chị Vũ Thị S, Công ty cổ phần may N, Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Vũ Văn Trường